

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VF1)

MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ	1
CÁC ĐỊNH NGHĨA	2
CHƯƠNG I: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG.....	5
Điều 1: Tên và địa chỉ liên hệ	5
Điều 2: Mục tiêu	5
Điều 3: Thời hạn hoạt động	5
Điều 4: Nguyên tắc tổ chức	5
Điều 5: Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ Quỹ phát hành.....	5
Điều 6: Chỉ định đại diện huy động vốn và phát hành chứng chỉ Quỹ	6
Điều 7: Công ty quản lý quỹ.....	6
Điều 8: Ngân hàng giám sát	6
CHƯƠNG II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH & HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	6
Điều 9: Mục tiêu đầu tư	6
Điều 10: Chính sách đầu tư.....	7
Điều 11: Hạn chế đầu tư.....	7
Điều 12: Phương pháp lựa chọn đầu tư.....	8
CHƯƠNG III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ SỞ HỮU CHỨNG CHỈ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ	9
Điều 13: Nhà đầu tư	9
Điều 14: Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư.....	9
Điều 15: Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1	11
Điều 16: Chuyển nhượng chứng chỉ Quỹ đầu tư	11
Điều 17: Thừa kế chứng chỉ Quỹ đầu tư	11
CHƯƠNG IV: PHÂN PHỐI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	12
Điều 18: Phương thức trả cổ tức Quỹ	12
Điều 19: Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ.....	12
CHƯƠNG V: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ.....	12
Điều 20: Đại hội nhà đầu tư thường niên	12
Điều 21: Đại hội nhà đầu tư bất thường	13
Điều 22: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư.....	13
Điều 23: Thẻ thức tiến hành Đại hội nhà đầu tư	14
Điều 24: Quyết định của Đại hội nhà đầu tư	14
CHƯƠNG VI: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	15
Điều 25: Tổ chức Ban đại diện Quỹ.....	15
Điều 26: Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ	15
Điều 27: Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện Quỹ.....	15
Điều 28: Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.....	17
Điều 29: Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ	17
Điều 30: Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ	18
Điều 31: Biên bản họp Ban đại diện Quỹ	18
CHƯƠNG VII: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	18

Điều 32: Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý Quỹ.....	18
Điều 33: Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ.....	19
Điều 34: Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý Quỹ.....	19
Điều 35: Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý Quỹ	20
CHƯƠNG VIII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	21
Điều 36: Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát.....	21
Điều 37: Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát.....	22
Điều 38: Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát	22
CHƯƠNG IX: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	23
Điều 39: Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán	23
Điều 40: Năm tài chính	23
Điều 341: Chế độ kế toán	23
Điều 42: Báo cáo tài chính.....	23
Điều 43: Báo cáo khác.....	23
CHƯƠNG X: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA QUỸ ĐẦU TƯ	24
Điều 44: Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ	24
Điều 45: Phương pháp xác định giá trị tài sản Quỹ.....	25
CHƯƠNG XI: PHÁT HÀNH THÊM CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ.....	25
Điều 46: Phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ đầu tư	25
CHƯƠNG XII: GIẢI THỂ, HỢP NHẤT, SÁP NHẬP VÀ THANH LÝ TÀI SẢN QUỸ	25
Điều 47: Các điều kiện giải thể Quỹ đầu tư	25
Điều 48: Thủ tục giải thể Quỹ đầu tư.....	25
Điều 49: Thanh lý tài sản Quỹ đầu tư khi giải thể.....	26
Điều 50: Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập Quỹ.....	26
Chương XIII: PHÍ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC PHÍ HOẠT ĐỘNG	26
Điều 51 Phí phát hành chứng chỉ quỹ	26
Điều 52: Thu nhập của quỹ.....	26
Điều 53: Phí quản lý	26
Điều 54: Phí lưu ký và giám sát.....	26
Điều 55: Chi phí khác	27
Điều 56: Thưởng hoạt động	27
CHƯƠNG XIV: GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH	27
Điều 57: Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ đầu tư VF1 và các Quỹ đầu tư khác	27
CHƯƠNG XV: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ	28
Điều 58: Công bố thông tin	28
Điều 59: Điều khoản thi hành	28
Điều 60: Thay đổi điều lệ	29
Điều 61: Đăng ký điều lệ.....	29
PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	30
PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	32
PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	33
PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN QUỸ VÀ THƯỞNG HOẠT ĐỘNG.....	34

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1) và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007;
- Luậtsố 62/2010/QH12 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2011;
- Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2012;
- Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2013;
- Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2012;
- Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2013;
- Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thành lập và quản lý Quỹ mở, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2012;
- Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường Việt Nam;
- Thông tư số 213/2012/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2013;
- Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam;
- Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán;
- Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2012;
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

CÁC ĐỊNH NGHĨA

Những từ dưới đây được định nghĩa và sẽ được dùng trong suốt Điều lệ này:

“Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam”	(Sau đây gọi là Quỹ đầu tư Chứng khoán có phát hành chứng chỉ Quỹ đầu tư ra công chúng và gọi tắt là Quỹ đầu tư VF1) là Quỹ đầu tư chứng khoán có mức vốn góp của các nhà đầu tư ban đầu là 1.000 (Một nghìn) tỷ đồng được thành lập theo Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản pháp luật có liên quan của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, chịu sự quản lý về mặt hành chính của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN).
“Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam - VietFund Management (VFM)”	(Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý quỹ VFM) là một công ty cổ phần với cổ đông sáng lập là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Dragon Capital Management, được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 cấp bởi UBCKNN. Công ty quản lý quỹ VFM là Công ty quản lý quỹ chính thức của Quỹ đầu tư VF1.
“Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Sacombank”	(Sau đây gọi tắt là ngân hàng Sacombank) là ngân hàng thương mại cổ phần, được thành lập theo giấy phép số 0006/NH-GP ngày 05/12/1991 cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo luật ngân hàng Việt Nam, là cổ đông sáng lập của Công ty quản lý Quỹ VFM và là sáng lập viên của Quỹ đầu tư VF1.
“Dragon Capital Management Limited”	(Sau đây gọi tắt là DCM) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo luật của British Virgin Islands thuộc Dragon Capital Group, là cổ đông sáng lập của Công ty quản lý Quỹ VFM và là sáng lập viên của Quỹ đầu tư VF1.
“Ngân hàng giám sát – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Vietcombank”	(Sau đây gọi tắt là ngân hàng giám sát), là ngân hàng giám sát theo giấy phép số 0103024468 ngày 02/6/2008 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đầu tư VF1, thực hiện việc định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1 đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 và Công ty quản lý Quỹ VFM.
“Công ty kiểm toán”	(Sau đây gọi tắt là công ty kiểm toán), là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ đầu tư VF1, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ đầu tư VF1 và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định.
“Điều lệ”	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 được nhà đầu tư thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư. Trong lần huy động quỹ đầu tiên, điều lệ được soạn thảo phù hợp với các văn bản pháp lý có liên quan tại Việt Nam.
“Bản cáo bạch”	Là bản thông cáo của tổ chức phát hành về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh và phương án sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý Quỹ và ngân hàng giám sát Vietcombank được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ VF1.
“Quỹ đầu tư chứng khoán đóng”	(Sau đây gọi tắt là Quỹ đóng) là quỹ đại chúng mà chứng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng không được mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư.

“ Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài đầu tư vào Quỹ đầu tư VF1.
“Đại hội nhà đầu tư”	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ đầu tư VF1. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ đầu tư VF1.
“Ban đại diện Quỹ”	Là những nhà đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ đầu tư VF1, Công ty quản lý Quỹ VFM và ngân hàng giám sát.
“Vốn điều lệ Quỹ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp và được ghi trong Điều lệ này.
“Đơn vị Quỹ”	Là vốn điều lệ Quỹ được chia thành nhiều phần bằng nhau với mệnh giá 10.000 đồng/ đơn vị.
“Chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1”	(Sau đây gọi là chứng chỉ) là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ do Công ty quản lý Quỹ VFM đại diện cho Quỹ đầu tư VF1 phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ đầu tư VF1 theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của nhà đầu tư đó trong vốn điều lệ của Quỹ đầu tư VF1.
“Giá phát hành”	Là giá của mỗi đơn vị Quỹ được phát hành lần đầu tương đương mệnh giá của đơn vị Quỹ cộng với phí phát hành
“Phí phát hành”	Là phí của Quỹ đầu tư VF1 trả cho Công ty quản lý Quỹ để trang trải những chi phí cho việc phát hành chứng chỉ Quỹ VF1 ra công chúng. Phí này chỉ được thu một lần ngay khi phát hành và tối đa là 3% trên đơn vị Quỹ của đợt phát hành đó.
“Cổ tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
“Ngày đóng Quỹ”	Là ngày kết thúc việc huy động vốn cho Quỹ đầu tư VF1 được UBCKNN chấp thuận.
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ đầu tư VF1 sẽ được tính từ ngày Quỹ đầu tư VF1 được UBCKNN cấp giấy phép hoạt động chính thức cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Giá trị tài sản ròng của Quỹ”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ đầu tư VF1 sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ đầu tư VF1 tại thời điểm định giá.
“Thời điểm định giá”	Ngày làm việc cuối cùng của mỗi tuần hoặc ngày khác theo quyết định của Công ty quản lý quỹ VFM để định giá giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1.
“Thưởng hoạt động”	Là khoản thưởng được Quỹ đầu tư VF1 trả thêm cho Công ty quản lý Quỹ VFM ngoài phí quản lý. Thưởng hoạt động được trình bày chi tiết tại Phụ lục 4 của Điều lệ này.
“Người có liên quan”	Được hiểu theo khái niệm Người có liên quan tại Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày ngày 29 tháng 6 năm 2006.

“Các định nghĩa khác”

Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương I: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Tên và địa chỉ liên hệ

Tên Quỹ đầu tư	:	QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM
Tên giao dịch quốc tế	:	VIETNAM SECURITIES INVESTMENT FUND
Tên viết tắt	:	QUỸ ĐẦU TƯ VF1
Địa chỉ liên hệ	:	Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1) Lầu 10, Cao ốc Văn phòng Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh Tel: (08) - 38251488 Fax: (08) - 38251489 Email: VF1info@vinafund.com – Website: www.vinafund.com

Điều 2: Mục tiêu

1. Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam là một Quỹ đóng sau đây được gọi là “Quỹ đầu tư VF1”, được thành lập và hoạt động theo Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản pháp lý khác có liên quan. Quỹ đầu tư VF1 có thể được chuyển đổi thành loại hình Quỹ khác theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư và được sự chấp thuận của UBCKNN.
2. Quỹ đầu tư VF1 được quản lý bởi Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM) với mục đích đem lại lợi nhuận cao nhất cho nhà đầu tư phù hợp với các quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam, bản cáo bạch và điều lệ của Quỹ đầu tư VF1.

Điều 3: Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 là **10 (mười) năm** tính từ ngày hoàn tất việc huy động vốn và đăng ký lập Quỹ chính thức với cơ quan có thẩm quyền. Thời hạn hoạt động của Quỹ có thể được gia hạn thêm do Đại hội Nhà đầu tư quyết định và được sự chấp thuận của UBCKNN. Khi có sự thay đổi về thời hạn hoạt động của Quỹ, điều khoản này sẽ được thay đổi tương ứng.

Điều 4: Nguyên tắc tổ chức

1. Quỹ đầu tư VF1 hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006, Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 05/6/2007 về việc ban hành quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, và hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các quy định trong bản Điều lệ này.
2. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ đầu tư VF1 không có nghĩa vụ phải mua lại chứng chỉ quỹ đã được phát hành cho nhà đầu tư.
3. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ đầu tư VF1 là Đại hội nhà đầu tư.
4. Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1 sẽ thay mặt Đại hội nhà đầu tư giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ đầu tư VF1, Công ty quản lý Quỹ VFM và Ngân hàng giám sát.
5. Công ty quản lý Quỹ VFM sẽ đại diện cho Đại hội nhà đầu tư thực hiện việc quản lý đầu tư đối với Quỹ đầu tư VF1.

Điều 5: Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ Quỹ phát hành

1. Tổng vốn của Quỹ đầu tư VF1 do vốn đóng góp của nhà đầu tư tạo thành. Việc góp vốn có thể thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Tiền mặt được nộp hoặc chuyển khoản cho:

Đơn vị thụ hưởng	:	QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM
Số tài khoản	:	0071-001-999-001
Mở tại	:	Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
Nội dung	:	Mua chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1

Trong trường hợp thanh toán bằng ngoại tệ thì được chuyển đổi sang tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm thanh toán của Ngân hàng Vietcombank.

2. Vốn đóng góp của Quỹ đầu tư VF1 vào ngày Điều lệ này ký kết và có hiệu lực là 1.000 tỷ đồng Việt Nam. Số vốn này được chia thành 100.000.000 đơn vị Quỹ. Mệnh giá của mỗi đơn vị Quỹ là 10.000 đồng.
3. Việc tăng hay giảm vốn huy động của Quỹ đầu tư VF1 phải do Đại hội nhà đầu tư quyết định và được UBCKNN cho phép. Khi có sự thay đổi về vốn của Quỹ đầu tư VF1, điều khoản này sẽ thay đổi tương ứng.

Điều 6: Chỉ định đại diện huy động vốn và phát hành chứng chỉ Quỹ

Quỹ đầu tư VF1 chỉ định Công ty quản lý Quỹ VFM làm đại diện huy động vốn và đại lý phát hành thêm chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1. Việc phát hành thêm chứng chỉ quỹ phải được sự chấp thuận của Đại hội nhà đầu tư, UBCKNN.

Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ VFM, người hành nghề quản lý quỹ tại Công ty quản lý quỹ VFM và người làm việc tại Công ty quản lý quỹ VFM chỉ được mua, bán các chứng chỉ quỹ VF1 thông qua hệ thống giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM khi chứng chỉ quỹ VF1 đã được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM.

Điều 7: Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ VFM là một công ty cổ phần với cổ đông sáng lập là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Dragon Capital Management, được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của UBCKNN. Công ty quản lý quỹ VFM là Công ty quản lý quỹ chính thức của Quỹ đầu tư VF1. Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

Công ty quản lý quỹ VFM có trụ sở chính tại:

Lầu 10, Cao ốc Văn phòng Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) - 38251488 Fax: (84-8) - 38251489

Website: www.vinafund.com

Và chi nhánh tại:

Phòng 1208, Tầng 12, Tòa nhà Pacific Place, 83B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-4) 3942 8168 Fax: (84-4) 3942 8169

Công ty quản lý quỹ VFM là công ty quản lý quỹ chính thức của Quỹ, có quyền và nghĩa vụ quy định tại Chương VII Điều lệ này.

Điều 8: Ngân hàng giám sát

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định làm Ngân hàng giám sát cho Quỹ đầu tư VF1. Vietcombank được cấp giấy phép thành lập giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103024468 ngày 02/6/2008 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội

Trụ sở Ngân hàng giám sát tại TPHCM số: 29 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. HCM.

Điện thoại : (84-8) 38297245 Fax: (84-8) 38297228

Các trường hợp thay đổi Ngân hàng giám sát phải do Đại hội nhà đầu tư quyết định. Công ty quản lý quỹ được uỷ quyền ký hợp đồng giám sát với Ngân hàng giám sát.

Ngân hàng giám sát có quyền và nghĩa vụ quy định tại Chương VIII Điều lệ này.

Chương II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH & HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 9: Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 là xây dựng được một danh mục đầu tư cân đối và đa dạng nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa rủi ro thông qua việc xây dựng danh mục cân đối và đa dạng bao gồm các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên TTCK Việt Nam. Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ còn nhắm đến trong quá trình đầu tư là làm tăng giá trị các khoản đầu tư thông qua việc giúp các đơn vị tái

cơ cấu về mặt tài chính, phát triển hệ thống quản trị, nâng cao năng lực cạnh tranh... bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và đăng ký với Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Điều 10: Chính sách đầu tư

1. Quỹ đầu tư VF1 sẽ tập trung đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề sau (các ngành nghề này có thể có thay đổi tùy theo chiến lược đầu tư trong từng giai đoạn):

- a. Ngành chế biến nông lâm thủy hải sản;
- b. Ngành tài chính ngân hàng;
- c. Ngành du lịch và khách sạn;
- d. Ngành giáo dục và y tế;
- e. Ngành hàng tiêu dùng;
- f. Ngành vận tải hàng hóa;
- g. Ngành tiện ích công cộng;
- h. Bất động sản;
- i. Các công cụ của thị trường tiền tệ.
- j. Các lĩnh vực, ngành nghề khác theo quy định của luật hiện hành.

2. Quỹ đầu tư VF1 được đầu tư vào các loại tài sản sau đây tại Việt Nam:

- a. Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- b. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng;
- c. Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao chứng khoán của Việt Nam;
- e. Cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng; trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu của công ty cổ phần, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn;
- f. Các chứng khoán và tài sản khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này tại các ngân hàng thương mại đã được ban đại diện quỹ phê duyệt.

Điều 11: Hạn chế đầu tư

1. Cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ phải phù hợp với các quy định tại điều lệ quỹ và phải bảo đảm:

- a) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- b) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các loại chứng khoán và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 10 của Điều lệ này, được phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- c) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f khoản 2 Điều 10 của Điều lệ này mà phát hành bởi một tổ chức hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;
- d) Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào bất động sản và các tài sản tài chính quy định tại điểm e khoản 2 Điều 10 của Điều lệ này;
- e) Không được sử dụng vốn và tài sản của quỹ để cho vay, bảo lãnh cho các khoản vay, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 của Điều lệ này; không được sử dụng tài sản của quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán), bán khống (cho vay chứng khoán để bán);

- f) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính quỹ đó, đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
 - g) Trường hợp quỹ đăng ký là nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 224/2012/TT-BTC, trong hoạt động đầu tư, quỹ còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan về hạn chế sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài.
2. Công ty quản lý quỹ không được vay để tài trợ cho hoạt động của quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
3. Trừ trường hợp quy định tại điểm e, f, g khoản 1 Điều này, cơ cấu đầu tư của quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:
- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;
 - c) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, mua cổ phiếu quỹ, chào mua công khai chứng khoán của các tổ chức phát hành;
 - d) Quỹ mới được đăng ký thành lập hoặc tăng vốn hoặc hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ điều chỉnh có hiệu lực;
 - đ) Quỹ đang trong thời gian thanh lý tài sản để giải thể.
4. Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại khoản 3 Điều này, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư của quỹ, bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.
5. Trường hợp sai lệch là do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ quỹ, thì phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.
6. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định luật hiện hành, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục. Thông báo phải có ý kiến xác nhận của ngân hàng giám sát.
7. Khi thực hiện các giao dịch mua, bán tài sản cho quỹ, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định sau:
- a. Đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán, các giao dịch phải được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán;
 - b. Đối với các tài sản không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch, hoặc trong các giao dịch thỏa thuận, công ty quản lý quỹ phải lấy ý kiến chấp thuận bằng văn bản của ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến thực hiện, thời điểm giao dịch, đối tác thực hiện giao dịch hoặc đối tác không được phép thực hiện giao dịch (nếu có), loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch.

Điều 12 : Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu

Trong quá trình đầu tư, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thực hiện một quy trình nghiên cứu, đánh giá và thẩm định đầu tư, áp dụng chiến lược đầu tư tích cực trong việc quản lý Quỹ đầu tư VF1, tận dụng tối đa các cơ hội đầu tư tốt, có hiệu quả dài hạn và gia tăng giá trị cho các khoản đầu tư của Quỹ đầu tư VF1.

Công ty quản lý quỹ VFM sẽ áp dụng phương pháp phân tích từ trên xuống gồm phân tích vĩ mô, phân tích ngành, phân tích công ty. Phương pháp này nhằm lựa chọn ra những ngành nghề hiệu quả, tiềm năng của nền kinh tế để từ đó lựa chọn công ty hoặc dự án hiệu quả, tăng trưởng cao với mức rủi ro hợp lý cho danh mục đầu tư.

Công ty quản lý quỹ VFM tiến hành phân tích ngành thông qua phân tích chu kỳ hoạt động, dự đoán tăng trưởng, đánh giá mức độ lợi nhuận và rủi ro, chính sách Nhà nước đối với ngành, tầm ảnh hưởng trong mối quan hệ với khách hàng, nhà cung cấp, đe dọa từ đối thủ mới, cạnh tranh giữa các công ty trong ngành và của sản phẩm thay thế, mức ảnh hưởng ngành từ các thay đổi về xã hội, công nghệ...

Đối với phân tích công ty, hiệu quả hoạt động là kim chỉ nam mà Công ty quản lý quỹ VFM chú trọng trong quá trình thẩm định đầu tư. Công ty sẽ tập trung thẩm định các tiêu chí về quản trị, tính minh bạch, tiềm năng tăng trưởng, các tiêu chí tài chính thể hiện hiệu quả hoạt động, hiệu quả sử dụng vốn của công ty.

Ngoài việc đầu tư nêu trên, công ty quản lý quỹ VFM sẽ kiểm soát chặt chẽ các khoản đầu tư bằng cách nghiên cứu kỹ các báo cáo tài chính định kỳ và giữ quan hệ chặt chẽ với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc các công ty đã đầu tư. Bộ phận nghiên cứu sẽ liên tục cập nhật các thông tin có liên quan đến các ngành nghề, lĩnh vực đầu tư để có thể sẵn sàng đưa ra giải pháp tốt nhất trong quá trình đầu tư. Bên cạnh đó, ban điều hành quỹ sẽ hỗ trợ công ty đầu tư về mặt quản trị chiến lược, cơ cấu tài chính nhằm tạo ra giá trị gia tăng đối với các khoản mà Quỹ đầu tư VF1 tham gia đầu tư.

2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ nợ

Công ty sẽ chủ động lựa chọn các công cụ nợ căn cứ trên mức sinh lời, mức độ rủi ro. Các công cụ này thường là những khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu công ty hoặc trái phiếu chính phủ và chủ yếu phục vụ cho việc tối ưu hóa lợi nhuận của quỹ

CHƯƠNG III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỞ ĐĂNG KÝ SỞ HỮU CHỨNG CHỈ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ

Điều 13: Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ đầu tư có thể là pháp nhân hay thể nhân trong và ngoài nước, sở hữu chứng chỉ Quỹ. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bổn phận gì với Quỹ đầu tư ngoài trách nhiệm trong phạm vi sổ chứng chỉ Quỹ đầu tư mà họ sở hữu.
2. Nhà đầu tư pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế và các tổ chức xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho sổ chứng chỉ Quỹ đầu tư mình sở hữu. Việc đề cử này được thực hiện bằng văn bản và gửi đến Công ty quản lý quỹ, trừ trường hợp người đại diện chính là người đại diện theo pháp luật. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư pháp nhân ký.
3. Nhà đầu tư sáng lập của Quỹ đầu tư bao gồm:
 - Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank - Việt Nam)
 - Công ty Dragon Capital Management Limited (DCM - British Virgin Islands - Vương Quốc Anh)

Điều 14: Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền:
 - a. Được chia cổ tức Quỹ theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư dựa trên cơ sở của kết quả hoạt động kinh doanh của mỗi cuối năm tài chính tương đương với tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư trong Quỹ.

- b. Được chuyển nhượng hoặc bán chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 theo quy định tại điều 16 của Điều lệ này.
 - c. Được chia số tài sản còn lại khi Quỹ đầu tư VF1 thanh lý, giải thể hay phá sản, tương ứng với số đơn vị Quỹ đầu tư VF1 nhà đầu tư sở hữu (nếu còn).
 - d. Nhận đầy đủ các thông tin thường xuyên hàng tháng và đột xuất về tình hình hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 và báo cáo hàng tháng về giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1.
 - e. Được quyền ưu tiên tham gia mua thêm chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 nếu Quỹ đầu tư VF1 huy động thêm vốn mới, theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ đầu tư VF1 nhà đầu tư sở hữu.
 - f. Được ứng cử và bầu vào Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1 khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 26 của Điều lệ này.
 - g. Quyết định cùng với Đại hội nhà đầu tư các vấn đề quan trọng liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư theo Điều lệ này.
2. Các nhà đầu tư có nghĩa vụ:
- a. Tuân thủ Điều lệ Quỹ, chấp hành quyết định của Đại hội nhà đầu tư.
 - b. Thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 như đã cam kết theo thời gian quy định và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số vốn đã góp.
 - c. Thực hiện đúng theo những quy định trong Điều lệ này.
 - d. Chịu lỗ tương ứng với phần góp vốn (nếu có).
3. Nhà đầu tư, hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu trên 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau đây:
- a. Đề cử người vào ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông;
 - b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;
 - c. Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - Có căn cứ xác thực về việc công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư, hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ này, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;
 - Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - d. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải có công văn trả lời nhà đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản;
 - đ. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc;
 - e. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này.
4. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với nhà đầu tư là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng

chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 15: Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1

1. Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát phải lập và lưu giữ sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 từ khi Quỹ đầu tư VF1 hoàn tất đợt phát hành đầu tiên. Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ phải có các nội dung sau:

- a. Tên Quỹ đầu tư;
 - b. Tên, số giấy phép, trụ sở của Công ty quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;
 - c. Tổng số chứng chỉ được quyền chào bán, loại chứng chỉ được quyền chào bán và số chứng chỉ được chào bán cho từng đợt;
 - d. Tổng số chứng chỉ đã bán của từng đợt và giá trị của vốn đã góp;
 - e. Tên nhà đầu tư, địa chỉ, số lượng từng đợt của mỗi nhà đầu tư, ngày đăng ký chứng chỉ;
 - f. Ngày lập Sổ đăng ký nhà đầu tư.
2. Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ được lưu giữ tại trụ sở Công ty quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc nơi khác, nhưng phải thông báo bằng văn bản cho UBCKNN và tất cả nhà đầu tư biết.

Điều 16: Chuyển nhượng chứng chỉ Quỹ đầu tư

1. Quỹ đầu tư VF1 và Công ty quản lý Quỹ VFM không chịu trách nhiệm mua lại chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1. Tuy nhiên, để tạo thanh khoản cho nhà đầu tư, Quỹ đầu tư VF1 niêm yết chứng chỉ Quỹ trên thị trường chứng khoán.
2. Việc chuyển nhượng chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Việc chuyển nhượng của thành viên Ban đại diện quỹ được quy định tại Điều 25, Điều 27 của Điều lệ này

Điều 17: Thừa kế chứng chỉ Quỹ đầu tư

1. Trường hợp một Nhà đầu tư qua đời, chỉ những người sau đây được Quỹ đầu tư công nhận có quyền sở hữu đối với chứng chỉ Quỹ đầu tư của người đã mất:
 - a. Người thừa kế duy nhất theo đúng pháp luật thừa kế của nước CHXHCN Việt Nam.
 - b. Nếu có nhiều người thừa kế hợp pháp thì họ phải cử một người đại diện sở hữu duy nhất dưới hình thức ủy quyền được công chứng. Quỹ đầu tư chỉ thừa nhận người đại diện sở hữu này và không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.
2. Bất kỳ người nào được quyền thừa kế hợp pháp các Chứng chỉ Quỹ đầu tư của Quỹ đầu tư, ngay sau khi trình đủ giấy tờ chứng minh thừa kế hợp pháp sẽ:
 - a. Được đăng ký làm sở hữu chủ các Chứng chỉ Quỹ đầu tư được thừa kế.
 - b. Chuyển nhượng các Chứng chỉ Quỹ đầu tư này cho người khác ngay sau khi cung cấp đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền sở hữu mà các thành viên Ban đại diện yêu cầu và việc chuyển nhượng sẽ được thực hiện theo quy định tại điều 16 của Điều lệ này.

Chương IV: PHÂN PHỐI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Điều 18: Phương thức trả cổ tức Quỹ

1. Việc trả cổ tức Quỹ của Quỹ đầu tư VF1 phải được thực hiện theo nguyên tắc: sau khi cổ tức Quỹ được trả, Quỹ đầu tư VF1 vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trả. Cổ tức Quỹ của Quỹ đầu tư VF1 được trả cho nhà đầu tư Quỹ phải là thu nhập thực tế phát sinh.
2. Nếu xét thấy phù hợp, Ban đại diện Quỹ có thể tạm ứng cho nhà đầu tư một số cổ tức Quỹ mà lợi nhuận hoặc Quỹ dự trữ khác của Quỹ đầu tư VF1 cho phép. Việc tạm ứng này có thể được giải quyết 06 (sáu) tháng một lần hoặc một khoảng thời gian thích hợp (không quá 12 (mười hai) tháng) cho các nhà đầu tư ở mức đã ấn định.
3. Chậm nhất 30 ngày trước thời điểm trả cổ tức Quỹ của Quỹ đầu tư VF1, Trung tâm Lưu ký lập danh sách Nhà đầu tư có quyền nhận cổ tức Quỹ, xác định mức cổ tức Quỹ trả đối với từng đơn vị Quỹ hoặc phần vốn góp, thời hạn và hình thức trả cổ tức Quỹ. Thông báo về trả cổ tức Quỹ phải được gửi đến tất cả nhà đầu tư chậm nhất 15 ngày làm việc trước khi thực hiện trả cổ tức Quỹ. Thông báo phải ghi rõ tên Quỹ, tên, địa chỉ của nhà đầu tư, tỷ lệ cổ tức Quỹ mà nhà đầu tư đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức Quỹ.

Sau khi niêm yết, việc phân phối thu nhập của Quỹ đầu tư VF1 cho nhà đầu tư phải được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đăng ký, lưu ký bù trừ và thanh toán chứng khoán.

4. Thu nhập của Quỹ đầu tư VF1 được phân phối theo nguyên tắc: Chỉ những nhà đầu tư được ghi tên trong danh sách nhà đầu tư lập vào ngày đăng ký cuối cùng được quyền nhận thu nhập phân phối. Nhà đầu tư chuyển nhượng vốn góp hoặc đơn vị Quỹ của mình trong khoảng thời gian từ thời điểm khóa sổ danh sách nhà đầu tư tới thời điểm trả cổ tức Quỹ, thì người chuyển nhượng là người được nhận cổ tức của Quỹ.

Điều 19: Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ

1. Trong trường hợp Quỹ đầu tư VF1 đầu tư bị thua lỗ và có thể dẫn đến phá sản, Ban đại diện Quỹ phải xem xét nguyên nhân thua lỗ để quy kết trách nhiệm. Nếu Quỹ bị tổn thất hoặc thua lỗ do yếu tố khách quan, bất khả kháng, sự kiện vượt ngoài tầm kiểm soát hợp lý, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, bệnh dịch, bạo loạn, những đợt khủng hoảng, biến động lớn của toàn bộ thị trường mà những biến động này là kết quả của những tác động, ảnh hưởng tài chính dây chuyền mang tính quốc tế và khu vực,... thì nhà đầu tư phải gánh chịu khoản lỗ tương ứng với tỷ lệ góp vốn của họ và sẽ không nhận cổ tức quỹ trong giai đoạn đó. Trong trường hợp đó, Ban Đại Diện Quỹ sẽ xem xét và đề xuất lên Đại hội Nhà đầu tư một trong những giải pháp sau:
 - (i) Giữ nguyên mức vốn Điều lệ;
 - (ii) Ghi giảm vốn và phải đăng ký lại mức tổng vốn mới;
2. Việc giảm vốn Điều lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được sự chấp thuận của Đại hội nhà đầu tư và UBCKNN.
3. Công ty quản lý quỹ VFM phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ đầu tư VF1 do nhân viên của Công ty quản lý quỹ VFM hoặc Công ty quản lý quỹ VFM không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Mức bồi thường phải được nhà đầu tư chấp thuận, kể cả những nhà đầu tư đã từng nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm tổn thất chấp thuận.

Chương V: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 20: Đại hội nhà đầu tư thường niên

1. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ đầu tư VF1. Tất cả các nhà đầu tư có tên trong danh sách vào ngày chốt quyền tham dự đại hội theo thông báo của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán cung cấp trước khi triệu tập cuộc họp Đại hội đều có quyền tham dự Đại hội.
2. Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

3. Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Thời gian tối đa giữa hai kỳ đại hội cách nhau không quá 15 tháng.
4. Đại hội Nhà đầu tư lần đầu tiên do công ty quản lý quỹ triệu tập và tổ chức trong vòng hai mươi lăm (25) ngày sau khi hoàn tất đợt chào bán.
5. Chi phí của Đại hội Nhà đầu tư thường niên do Quỹ thanh toán.

Điều 21: Đại hội nhà đầu tư bất thường

1. Đại hội Nhà đầu tư bất thường được Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc nhóm nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 10% vốn điều lệ quỹ liên tục trong vòng ít nhất 6 tháng triệu tập trong những trường hợp sau đây:
 - a. Xem xét sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch, Hợp đồng giám sát;
 - b. Xem xét thay đổi định hướng trong chính sách đầu tư, phương án phân phối lợi nhuận, mục tiêu đầu tư của Quỹ và giải thể Quỹ;
 - c. Xem xét thay thế công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát trong trường hợp các tổ chức này bị tước giấy phép hoạt động, bị phá sản hoặc vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch;
 - d. Xem xét điều chỉnh tăng mức phí ngoài phạm vi đã được quy định tại Điều lệ Quỹ cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
 - e. Xem xét việc giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ theo quy định của Điều lệ này;
 - f. Số lượng thành viên Ban đại diện quỹ còn lại dưới 03 (ba) thành viên.
2. Việc tổ chức Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày có thông báo về việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường. Chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, bên triệu tập họp phải thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ) cho nhà đầu tư về việc triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư.
3. Chi phí của Đại hội Nhà đầu tư bất thường do Quỹ thanh toán, trừ trường hợp Đại hội được tổ chức theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, chi phí tổ chức Đại hội bất thường do bên yêu cầu triệu tập chịu trách nhiệm thanh toán.

Điều 22: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư

Đại hội nhà đầu tư có các nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Thông qua Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ này, việc niêm yết chứng chỉ quỹ;
2. Quyết định tổng số chứng chỉ quỹ đầu tư được quyền chào bán;
3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban đại diện Quỹ; Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.
4. Xem xét và xử lý các vi phạm của Ban đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và các tổ chức có liên quan gây thiệt hại cho Quỹ đầu tư và nhà đầu tư;
5. Thay đổi chính sách trả cổ tức Quỹ của Quỹ đầu tư;
6. Thay đổi chủ trương, chiến lược quan trọng, mục tiêu đầu tư của Quỹ và giải thể Quỹ;
7. Thông qua, sửa đổi, bổ sung hợp đồng giám sát
8. Thay đổi Công ty quản lý Quỹ, ngân hàng giám sát trong trường hợp các tổ chức này bị tước giấy phép hoạt động, bị phá sản, hoặc theo quy định của pháp luật;
9. Tăng mức phí trả cho Công ty quản lý Quỹ và ngân hàng giám sát;
10. Quyết định thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ. Tổng mức thù lao và chi phí thanh toán cho ban đại diện quỹ trong năm không vượt quá tổng ngân sách hoạt động trong năm của ban đại diện quỹ đã được đại hội nhà đầu tư thông qua;
11. Trình sổ sách của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ tại phiên họp Đại hội Nhà đầu tư;
12. Thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ VF1.

13. Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ, tổ chức định giá độc lập (nếu có).
14. Quyết định giải thể, sáp nhập, hợp nhất hoặc chuyển đổi loại hình Quỹ theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành;
15. Quyết định các hợp đồng, giao dịch giữa quỹ với nhà đầu tư sở hữu trên 35% số chứng chỉ quỹ đang lưu hành; người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan của nhà đầu tư này. Trong trường hợp này, nhà đầu tư có quyền lợi liên quan không được biểu quyết. Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận khi có số nhà đầu tư đại diện cho tối thiểu 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;
16. Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;
17. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại điều lệ quỹ.

Điều 23: *Thế thức tiến hành Đại hội nhà đầu tư*

1. Đại hội nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban đại diện quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì phó Chủ tịch Ban đại diện quỹ hoặc bất kỳ người nào khác do Đại hội nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì
2. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư đại diện ít nhất 51% vốn điều lệ Quỹ. Hình thức tham dự Đại hội có thể là trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền.
3. Trường hợp cuộc họp thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 điều này, thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
4. Hình thức biểu quyết thông qua quyết định Đại hội nhà đầu tư có thể là bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết bằng giơ tay trực tiếp. Hình thức biểu quyết sẽ do Chủ tọa Đại hội nhà đầu tư quyết định trước mỗi lần họp Đại hội nhà đầu tư và thông báo cho nhà đầu tư biết khi bắt đầu tiến hành đại hội.
5. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà đầu tư phải được thông báo công khai cho nhà đầu tư và báo cáo UBCKNN tối thiểu ít nhất năm (5) ngày làm việc trước khi tiến hành Đại hội.
6. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền yêu cầu thay đổi nội dung họp nếu thấy nội dung trái với quy định của pháp luật hoặc có thể làm tổn hại nghiêm trọng đến quyền lợi của Nhà đầu tư.

Điều 24: *Quyết định của Đại hội nhà đầu tư*

1. Mỗi đơn vị quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật, tổ chức định giá bất động sản (nếu có) cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.
2. Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp chấp thuận.
4. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là:
 - a. Thông qua việc điều chỉnh tăng mức phí ngoài phạm vi đã được quy định tại Điều lệ này cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;
 - b. Thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
 - c. Giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ, thay đổi Công ty quản lý quỹ, thay đổi Ngân hàng giám sát.
5. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham gia biểu quyết chấp thuận.
6. Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.

7. Trong vòng bảy (07) ngày sau khi kết thúc Đại hội Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội và gửi cho UBCKNN.
8. UBCKNN có quyền yêu cầu thay đổi nội dung các quyết định trong Nghị quyết Đại hội trong trường hợp nội dung các quyết định này trái với quy định của pháp luật.
9. Những quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua không phù hợp với Điều này, sẽ không có hiệu lực pháp lý và giá trị thi hành. Những quyết định này mặc nhiên bị hủy. Đồng thời, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho UBCKNN và nhà đầu tư về việc Nghị quyết không có hiệu lực thi hành và bị hủy.

Chương VI: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 25: Tổ chức Ban đại diện Quỹ

1. Ban đại diện Quỹ do Đại hội nhà đầu tư bầu ra, đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư.
2. Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1 có từ 5 (năm) đến 9 (chín) thành viên, trong đó có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban đại diện quỹ là thành viên độc lập đối với công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát. Trong quá trình hoạt động, thành viên ban đại diện quỹ bị đình chỉ, bãi miễn theo quy định tại Điều lệ này và số lượng thành viên còn lại không dưới 03 (ba) thành viên thì Ban đại diện tiếp tục thực hiện nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức mới gồm các thành viên còn lại. Việc bầu bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ cho đủ số lượng thành viên theo quy định tại Điều lệ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất hoặc lấy ý kiến bằng văn bản Đại hội nhà đầu tư để bầu bổ sung thành viên.

Trường hợp số lượng thành viên còn lại dưới 03 (ba) thành viên thì Ban đại diện quỹ phải triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản Đại hội nhà đầu tư để bầu thêm thành viên Ban đại diện quỹ, nhằm đảm bảo về số lượng thành viên Ban đại diện quỹ theo đúng quy định của Điều lệ, trong vòng 02 tháng kể từ ngày thông báo việc thay đổi trên.

3. Ban đại diện Quỹ có nhiệm kỳ là 03 năm và có thể được bầu lại tại Đại hội nhà đầu tư tiếp theo.
4. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên Ban đại diện quỹ không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ. Tuy nhiên, đối với cuộc họp Ban đại diện, thành viên Ban đại diện không thể tham dự trực tiếp thì có quyền cử người đại diện mình tham dự tại cuộc họp, nhưng người đại diện này không có quyền biểu quyết.

Cuộc họp Ban đại diện Quỹ có thể tiến hành hợp lệ khi có trên 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban đại diện Quỹ tham dự, bao gồm cả những thành viên Ban đại diện không đến dự họp trực tiếp nhưng có gửi ý kiến bằng văn bản hoặc họp thông qua các phương tiện truyền thông (điện thoại trực tiếp, cầu truyền hình,...), với sự chứng kiến của tất cả các thành viên dự họp.

5. Các thành viên Ban đại diện quỹ phải cam kết về việc nắm giữ 100% số chứng chỉ quỹ do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số chứng chỉ quỹ này trong thời gian 06 tháng tiếp theo.

Điều 26: Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ

Thành viên Ban đại diện Quỹ phải hội đủ các điều kiện sau:

1. Là nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư là pháp nhân, sở hữu ít nhất 03% vốn điều lệ hoặc những người nổi tiếng có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn. Thành viên độc lập không phải là Người có liên quan đến Công ty quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.
2. Chủ tịch, phó chủ tịch phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu công việc hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư.

Điều 27: Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện Quỹ

1. Ban đại diện Quỹ là cơ quan đại diện quyền lợi của nhà đầu tư. Ban đại diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Quyết định chào bán chứng chỉ mới trong phạm vi số chứng chỉ được phép phát hành theo điều lệ Quỹ đầu tư;
 - b. Thông qua các quyết định đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 15% giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư. Đối với những khoản đầu tư có giá trị nhỏ hơn 15% giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư thì công ty quản lý quỹ được toàn quyền quyết định;
 - c. Giám sát hoạt động của Công ty quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ cho quỹ phù hợp với điều lệ Quỹ đầu tư và pháp luật;
 - d. Xác nhận báo cáo tài chính năm của Quỹ đầu tư do Công ty quản lý Quỹ lập;
 - e. Phê chuẩn quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư trước khi Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
 - f. Phê chuẩn các giao dịch của các bên liên quan đến Công ty quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát tuân thủ theo quy định của Điều lệ quỹ và pháp luật;
 - g. Kiến nghị chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ đầu tư;
 - h. Kiến nghị mức cổ tức Quỹ được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả lợi tức;
 - i. Kiến nghị việc thay đổi Công ty quản lý Quỹ hoặc ngân hàng giám sát trong trường hợp các tổ chức này bị tước giấy phép hoạt động, bị phá sản hoặc vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Quỹ hoặc Báo cáo bạch hoặc quy định pháp luật hiện hành;
 - j. Nội dung e, f của điều khoản này phải được các thành viên độc lập thông qua theo nguyên tắc nhất trí;
 - k. Phải chấp hành quy định về việc công bố thông tin trong giao dịch chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 do mình thực hiện theo luật định, cụ thể là:
 - + Trước khi giao dịch chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 (chẳng hạn: cho, tặng, mua bán, thừa kế, quyền mua chứng chỉ quỹ phát hành thêm,...), người dự kiến thực hiện giao dịch phải tiến hành thủ tục báo cáo cho UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM và công ty quản lý quỹ VFM theo mẫu báo cáo do Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM ban hành, trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc. Thời hạn dự kiến giao dịch không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ phía Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM.
 - + Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch, người thực hiện giao dịch phải báo cáo về kết quả giao dịch cho UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM và công ty quản lý quỹ VFM theo mẫu báo cáo do Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM ban hành.
 - + Trường hợp không thực hiện giao dịch, thì cũng phải báo cáo lý do với UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM và công ty quản lý quỹ VFM trong vòng 03 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến thực hiện giao dịch.
 - l. Tham gia bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trong Ban đại diện Quỹ thuộc thẩm quyền của Ban đại diện Quỹ;
 - m. Tham dự các phiên họp Ban đại diện Quỹ, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi phiếu ý kiến tham gia biểu quyết (trong trường hợp vắng mặt tại cuộc họp hoặc trong trường hợp được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hỏi ý kiến bằng văn bản) để quyết định các vấn đề thuộc nội dung phiên họp;
 - n. Thực hiện các nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư và các quyết định của Ban đại diện Quỹ;

- o. Có thể được Chủ tịch Ban đại diện ủy quyền quyết định một số vấn đề cụ thể trong một số lĩnh vực nhất định.
 - p. Ban đại diện Quỹ có quyền được hưởng thù lao hàng tháng, mức thù lao do Đại hội Nhà đầu tư quyết định.
2. Ban đại diện Quỹ không được trực tiếp hay gián tiếp:
- a. Dùng tài sản Quỹ cho bất kỳ nhà đầu tư nào của Quỹ đầu tư vay tiền;
 - b. Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hay cung cấp tài sản thế chấp cho nhà đầu tư vay tiền;
 - c. Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hoặc cung cấp tài sản thế chấp cho một công ty khác vay tiền;
 - d. Cung cấp các thông tin không được phép phổ biến của Quỹ đầu tư cũng như của khách hàng cho bất cứ ai.
3. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ chịu trách nhiệm tổ chức hoạt động của Ban đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ và các thành viên chịu trách nhiệm cá nhân và tập thể trước pháp luật, trước nhà đầu tư về các hoạt động của Ban đại diện Quỹ.
4. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị và hội đồng quản trị.

Điều 28: Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

- 1. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập với Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát và do Đại hội nhà đầu tư bầu trong số thành viên Ban đại diện.
- 2. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch của Ban đại diện Quỹ;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện Quỹ;
 - c. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện Quỹ;
 - d. Đại diện ban hành các quyết định đình chỉ, bãi, miễn nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Điều lệ này.
- 3. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ thì thành viên Ban đại diện quỹ được Chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại lựa chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất.

Điều 29: Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ

- 1. Ban đại diện Quỹ làm việc theo chế độ tập thể và Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban Đại diện do các thành viên Ban đại diện lập và thông qua, họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Phiên họp do Chủ tịch Ban đại diện Quỹ triệu tập và chủ tọa.
- 2. Ban đại diện Quỹ sẽ triệu tập phiên họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ, hoặc Công ty quản lý Quỹ, hoặc ngân hàng giám sát, hoặc trên 2/3 số thành viên Ban đại diện Quỹ đề nghị.
- 3. Trong cuộc họp Ban đại diện Quỹ, mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ đại diện cho 01 (một) phiếu khi biểu quyết các vấn đề nêu ra. Các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên Ban đại diện Quỹ tham dự

4. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua tại cuộc họp khi:
 - a. Được số phiếu đại diện ít nhất 2/3 số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.
 - b. Đối với quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của Quỹ đầu tư, sửa đổi hoặc bổ sung điều lệ Quỹ đầu tư, tổ chức lại, giải thể Quỹ đầu tư thì phải được số phiếu đại diện cho ít nhất 3/4 số thành viên dự họp chấp thuận.
5. Các thành viên Ban đại diện Quỹ được hưởng thù lao, và được hoàn lại các chi phí hợp lý để trang trải cho việc đi dự các phiên họp của Ban đại diện Quỹ hoặc đi công tác cho Quỹ đầu tư.
6. Công ty quản lý Quỹ và ngân hàng giám sát được quyền tham gia các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.
7. Các chi phí tiến hành họp Ban đại diện Quỹ sẽ do Quỹ đầu tư thanh toán.

Điều 30: Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ

1. Thành viên Ban đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:
 - a. Bị khởi tố hoặc truy tố;
 - b. Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - c. Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền;
 - d. Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ;
2. Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong các trường hợp sau:
 - a. Bị cách chức hoặc bãi miễn theo đúng quy định của Bản Điều lệ này;
 - b. Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;
 - c. Bị cách chức thành viên Ban đại diện quỹ khi có Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - d. Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong 09 (chín) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng
 - e. Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Quỹ.
 - f. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26 của Điều lệ này

Điều 31: Biên bản họp Ban đại diện Quỹ

1. Ban đại diện Quỹ sẽ chỉ định một nhân viên có đủ năng lực của Công ty quản lý Quỹ làm nhiệm vụ thư ký cho các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ. Thư ký do Ban đại diện Quỹ chỉ định có trách nhiệm lập đầy đủ tất cả các biên bản liên quan đến các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ.
2. Tất cả nội dung của các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ hay bất cứ các cuộc họp nào khác liên quan đến lợi ích và hoạt động của Quỹ đầu tư chỉ có giá trị pháp lý và thực hiện khi được ghi một cách đầy đủ và rõ ràng vào Sổ Biên Bản của Quỹ đầu tư, có chữ ký của các thành viên Ban đại diện Quỹ và Chủ tọa.

Chương VII: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 32: Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý Quỹ

Công ty quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ.
2. Hoàn toàn độc lập với ngân hàng giám sát.

3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ

Điều 33: Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ có các nghĩa vụ sau:

- a. Tuân thủ Điều lệ quỹ và bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.
- b. Công bằng, trung thực và vì lợi ích của quỹ và nhà đầu tư;
- c. Công ty quản lý quỹ quản lý độc lập và tách biệt tài sản của từng quỹ, của công ty quản lý quỹ; công ty quản lý quỹ bảo đảm tách biệt về tổ chức, nhân sự trong hoạt động quản lý quỹ và các hoạt động khác của công ty;
- d. Đối với những giao dịch của quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện trong đó có sự tham gia của người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, phải đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của quỹ; thông báo đầy đủ thông tin liên quan đến giao dịch đó cho Ban đại diện quỹ, UBCKNN và thông báo công khai cho nhà đầu tư;
- e. Bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba và sự thay đổi tổ chức, quản lý của công ty quản lý quỹ không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của quỹ;
- f. Công ty quản lý quỹ VFM phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ đầu tư VF1 do nhân viên của Công ty quản lý quỹ VFM hoặc Công ty quản lý quỹ VFM không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Mức bồi thường phải được nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm tổn thất chấp thuận;
- g. Tất cả các giao dịch chứng khoán của Thành viên Hội đồng quản trị, những người quản lý và nhân viên của Công ty quản lý quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung tại công ty quản lý quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ;
- h. Khi Công ty quản lý quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho quỹ thì thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc (Giám đốc, phó giám đốc) Công ty, người điều hành quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho công ty hoặc cho chính mình hoặc cho người thứ ba, ngoài khoản phí và thưởng quy định trong Điều lệ quỹ;
- i. Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật;
- j. Trong trường hợp ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty quản lý quỹ biết giao dịch không phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ quỹ hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ, công ty quản lý phải hủy bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản của Quỹ nhằm phục hồi tài sản của quỹ như trước khi có giao dịch. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này do Công ty quản lý quỹ chịu;
- k. Công ty Quản lý quỹ phải tuân thủ các cam kết như được liệt kê tại phụ lục 1 và phụ lục 3 của Điều lệ này;

2. Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:

- a. Được hưởng các khoản phí và thưởng quy định trong Điều lệ quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
- b. Được hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, công ty quản lý quỹ chỉ được tư vấn tài chính cho các doanh nghiệp đầu tư vào hoặc tiếp nhận nguồn vốn đầu tư từ các quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý, không được tham gia các hoạt động tư vấn niêm yết hoặc tư vấn phát hành chứng khoán;
- c. Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.
- d. Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội nhà đầu tư và Ban đại diện Quỹ.
- e. Được quyết định các khoản đầu tư của quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 34: Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý Quỹ

1. Công ty quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a. Công ty quản lý quỹ đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ theo các quy định của Điều lệ Quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
 - b. Theo đề nghị của Ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện Quỹ, và đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
 - c. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Luật Chứng khoán;
 - d. Tự nguyện chấm dứt hoạt động;
 - e. Quỹ hết thời gian hoạt động;
 - f. Công ty quản lý quỹ sáp nhập hoặc hợp nhất với một Công ty quản lý quỹ khác và đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Công ty quản lý quỹ mới hình thành sau khi sáp nhập hoặc hợp nhất và Công ty quản lý quỹ mới này đã được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác chấp thuận thay thế. Công ty quản lý quỹ bị thay thế phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quỹ cho Công ty quản lý quỹ thay thế để đảm bảo Công ty quản lý quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định.

Điều 35: Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý Quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu đối với ngân hàng giám sát của Quỹ.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát, ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này.
3. Người có liên quan của công ty quản lý quỹ chỉ được giao dịch chứng chỉ quỹ đại chúng mà công ty đang quản lý. Trừ trường hợp là giao dịch trong đợt chào mua công khai hoặc trong đợt chào bán, phát hành ra công chúng, các giao dịch này được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán.
4. Công ty quản lý quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, liên kết, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được mua các tài sản trong danh mục tài sản của Quỹ hoặc bán cho danh mục của Quỹ mà công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:
 - a) Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán;
 - b) Trường hợp là giao dịch thỏa thuận hoặc tài sản giao dịch không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên các Sở Giao dịch Chứng khoán thì phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện Quỹ cho phép thực hiện giao dịch. Ý kiến phải thể hiện việc chấp thuận về loại tài sản giao dịch, về phương thức xác định giá giao dịch, phí giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch, các điều kiện khác (nếu có).
5. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải bao gồm thông tin về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu.
6. Khi công ty quản lý quỹ giao dịch các tài sản của Quỹ thì thành viên Hội đồng Quản trị, ban điều hành và mọi nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của công ty quản lý quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ do một tổ chức thứ ba cung cấp ngoại trừ các khoản phí, thưởng đã được nêu rõ trong Điều lệ Quỹ.
7. CTQLQ không được phép vay để tài trợ cho hoạt động của Quỹ đại chúng, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ đại chúng. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của

Quỹ đại chúng không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ đại chúng tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

8. Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các hạn chế đầu tư trong hoạt động quản lý quỹ quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.
9. Công ty quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản của Quỹ.
10. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, công ty quản lý quỹ bảo đảm:
 - a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ do mình quản lý;
 - b) Không được sử dụng tài sản ủy thác để đầu tư vào quỹ đại chúng do mình quản lý, hoặc ngược lại;
 - c) Không được sử dụng tài sản của quỹ đại chúng để đầu tư vào chính công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;
 - d) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác;

Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật; hoặc khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức 100% vốn nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;
 - đ) Không được sử dụng tài sản của quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán), bán khống (cho vay chứng khoán để bán)
 - e) Không được cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của Quỹ do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của Quỹ để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác và ngược lại; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.
11. Trừ trường hợp là kết quả hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành, công ty quản lý quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của Quỹ để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của Quỹ là quỹ hoán đổi danh mục) trên hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
 - a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện Quỹ về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;
 - b) Công ty quản lý quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.

Chương VIII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 36: Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

Ngân hàng Giám sát được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý Quỹ đại chúng do UBCKNN cấp.

2. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ và ngược lại.
3. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là đối tác mua, bán tài sản của Quỹ.
4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký
5. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 37: Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát:
 - a. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đảm bảo hoạt động quản lý Quỹ của Công ty Quản lý quỹ là phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ.
 - b. Ngân hàng giám sát phải thực hiện đăng ký sở hữu chứng chỉ Quỹ cho nhà đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi và thực hiện các hoạt động giúp nhà đầu tư thực hiện quyền phát sinh liên quan đến việc sở hữu chứng chỉ Quỹ;
 - c. Ngân hàng giám sát có nghĩa vụ lưu giữ và bảo quản an toàn tài sản Quỹ, thay mặt Quỹ thực hiện quyền phát sinh liên quan đến tài sản Quỹ (ngoại trừ quyền bỏ phiếu), thanh toán giao dịch Quỹ theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát và lệnh hoặc chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý quỹ;
 - d. Ngân hàng giám sát phải quản lý tách biệt tài sản của các Quỹ với nhau và với tài sản của Ngân hàng giám sát và các tài sản khác do Ngân hàng giám sát quản lý, trong mọi trường hợp, vốn và tài sản của Quỹ không được sử dụng để thanh toán những khoản nợ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác ngoài Quỹ;
 - e. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lập;
 - f. Trong trường hợp Ngân hàng giám sát xác định mức độ sai lệch trong định giá chứng chỉ quỹ là đáng kể, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của nhà đầu tư, Ngân hàng giám sát phải yêu cầu Công ty quản lý quỹ lập tức có biện pháp khắc phục phù hợp nhằm đảm bảo công bằng cho các bên.
 - g. Ngân hàng giám sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và hợp đồng giám sát.
 - h. Ngân hàng giám sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày ngày 29 tháng 6 năm 2006, Điều lệ quỹ và hợp đồng giám sát;
 - i. Mọi xác nhận, phê chuẩn của Ngân hàng giám sát liên quan đến các báo cáo hoặc giao dịch của Quỹ chỉ có nghĩa là các báo cáo hoặc giao dịch đó được lập và thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ.
2. Ngân hàng giám sát được hưởng các loại phí cung cấp dịch vụ bảo quản, giám sát tài sản quỹ theo Điều lệ quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật, không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác cho chính mình hoặc cho người thứ ba.
3. Được tham gia các cuộc họp định kỳ của Ban đại diện Quỹ.

Điều 38: Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a. Ngân hàng giám sát được tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;

- b. Ngân hàng giám sát tạm ngừng, chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản;
 - c. Theo đề nghị của Công ty quản lý quỹ hoặc Ban đại diện Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
 - d. Quỹ hết thời gian hoạt động hoặc bị giải thể;
 - e. Quỹ sát nhập hoặc hợp nhất vào một Quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - f. Ngân hàng giám sát bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Luật Chứng khoán;
 - g. Ngân hàng giám sát bị hợp nhất hoặc sát nhập bởi ngân hàng khác.
2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát được chuyển giao cho một ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của pháp luật.

Chương IX: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 39: Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

Hàng năm, Công ty quản lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai công ty kiểm toán để trình Đại hội nhà đầu tư. Đại hội nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ chọn công ty kiểm toán tiến hành kiểm toán cho Quỹ đầu tư căn cứ vào ba công ty kiểm toán đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua:

Các công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.
2. Được phép cung cấp dịch vụ kiểm toán.
3. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.
4. Được UBCKNN cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư

Công ty kiểm toán được lựa chọn sẽ tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính của Quỹ đầu tư tối đa trong ba năm liên tục nhưng phải phù hợp với giấy phép của UBCKNN. Sau khoảng thời gian này, Đại hội Nhà đầu tư sẽ chỉ định một công ty kiểm toán mới.

Điều 40: Năm tài chính

Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ đầu tư VF1 sẽ được tính từ ngày Quỹ đầu tư VF1 được UBCKNN cấp giấy phép hoạt động chính thức cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 41: Chế độ kế toán

Quỹ đầu tư VF1 sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ đầu tư VF1 do các cơ quan có thẩm quyền quy định (nếu có).

Điều 42: Báo cáo tài chính

Công ty quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ đầu tư và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ đầu tư.

Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn.

Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ đầu tư phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và đến mỗi nhà đầu tư của Quỹ đầu tư.

Công ty quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về báo cáo tài chính.

Điều 43: Báo cáo khác

Công ty quản lý Quỹ VFM phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về công bố thông tin và báo cáo các hoạt động kinh doanh.

Chương X: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA QUỸ ĐẦU TƯ

Điều 44: Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ do Công ty quản lý Quỹ thực hiện và phải có xác nhận của ngân hàng giám sát về việc tuân thủ quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sổ tay định giá và Điều lệ Quỹ.
2. Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định hàng tuần và phải được thông báo công khai cho nhà đầu tư vào ngày làm việc tiếp theo ngày Ngân hàng giám sát xác nhận và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.
3. Sổ tay định giá phải được ban đại diện quỹ phê duyệt và cung cấp cho ngân hàng giám sát để xác nhận việc tính toán giá trị tài sản ròng. Danh sách của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá, không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát, cũng phải được ban đại diện quỹ phê duyệt.
4. Công ty quản lý quỹ xây dựng Sổ tay định giá bao gồm tối thiểu những nội dung sau:
 - a. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá. Các nguyên tắc này cũng được quy định rõ tại khoản 5 Điều này;
 - b. Nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Phần I Phụ lục 4 của Điều lệ này và được Đại hội nhà đầu tư phê chuẩn. Các nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá phải rõ ràng, hợp lý, phù hợp với thông lệ quốc tế để áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau.

Ngoài ra, Sổ tay định giá sẽ có những chỉ dẫn chi tiết, cụ thể hơn cho một số trường hợp phát sinh thêm từ nội dung “Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận” trong phần nguyên tắc và quy trình định giá đã được quy định tại Phần I Phụ lục 4 của Điều lệ này. Đối với trường hợp này, Sổ tay định giá sẽ được cập nhật lại khi những chỉ dẫn chi tiết, cụ thể hơn đó được Ban đại diện Quỹ thông qua.

Đối với những chỉnh sửa trong Sổ tay định giá không xuất phát từ trường hợp nêu trên, mà liên quan trực tiếp đến phần nguyên tắc, quy trình định giá hoặc nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá, đều phải thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung Điều lệ Quỹ đầu tư VF1 cho Đại hội

5. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá, cụ thể như sau:
 - a. Hàng năm, Công ty quản lý quỹ sẽ xem xét việc thay đổi và trình Ban đại diện phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
 - i. Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
 - ii. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá.
 - iii. Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát.
 - b. Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá: Khi có một trong những tiêu chí sau:
 - i. Khi Công ty Quản lý quỹ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại các công ty chứng khoán đang báo giá.
 - ii. Công ty chứng khoán đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
 - iii. Công ty chứng khoán đang báo giá trở thành là người có liên quan của công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát.
 - iv. Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

Điều 45: Phương pháp xác định giá trị tài sản Quỹ

Xin tham chiếu tại Phụ lục IV: Phương pháp xác định giá trị tài sản Quỹ

Chương XI: PHÁT HÀNH THÊM CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ

Điều 46: Phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ đầu tư

1. Quỹ đầu tư VF1 có thể tăng vốn bằng cách gọi thêm vốn từ nhà đầu tư cũ và mới thông qua việc phát hành chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 mới trên thị trường chứng khoán trong và ngoài nước.
2. Việc tăng vốn như vậy phải tuân thủ các Quy chế có liên quan của UBCKNN.
3. Việc tăng vốn bằng hình thức phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 mới khi được chấp thuận sẽ thể hiện bằng những chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 mới mà số lượng tỷ lệ với số chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 hiện hữu trừ khi có thỏa thuận khác của tất cả các thành viên của Ban đại diện Quỹ ghi nhận bằng văn bản được UBCKNN chấp thuận.

Chương XII: GIẢI THỂ, HỢP NHẤT, SÁP NHẬP VÀ THANH LÝ TÀI SẢN QUỸ

Điều 47: Các điều kiện giải thể Quỹ đầu tư

1. Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - a. Quỹ kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Quỹ và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ mà không được gia hạn;
 - b. Đại hội nhà đầu tư được quyết định giải thể Quỹ trước thời hạn trong những trường hợp sau:
 - (i) Công ty quản lý quỹ bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty quản lý quỹ bị thu hồi mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng 03 tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
 - (ii) Công ty quản lý quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng 03 tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công ty quản lý quỹ;
 - (iii) Ngân hàng giám sát bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng giám sát bị thu hồi mà không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng 03 tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
 - (iv) Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng 03 tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Ngân hàng giám sát;
 - (v) Đại hội nhà đầu tư quyết định chuyển toàn bộ tài sản của Quỹ vào một Quỹ khác.
2. Việc giải thể Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 48: Thủ tục giải thể Quỹ đầu tư

Thủ tục giải thể Quỹ đầu tư như sau:

1. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm hoàn tất việc thanh lý tài sản Quỹ và hoàn trả tài sản Quỹ cho nhà đầu tư.
2. Tối thiểu 03 tháng trước ngày tiến hành giải thể, Ban đại diện Quỹ phải triệu tập Đại hội nhà đầu tư và trình phương án giải thể Quỹ để Đại hội nhà đầu tư quyết định. Phương án giải thể Quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 49: Thanh lý tài sản Quỹ đầu tư khi giải thể

1. Tiền thu được từ việc thanh lý tài sản Quỹ và các tài sản còn lại trong khi giải thể được thanh toán theo trật tự ưu tiên sau:
 - a. Thanh toán các chi phí giải thể Quỹ, các khoản Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát. Trong trường hợp Quỹ buộc phải giải thể do Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty quản lý quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán của Ngân hàng giám sát bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi, các khoản Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ và cho Ngân hàng giám sát sẽ không phải thanh toán kể từ ngày Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty quản lý quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán của Ngân hàng giám sát bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi;
 - b. Thanh toán nghĩa vụ tài chính với Nhà nước;
 - c. Thanh toán các khoản Quỹ phải trả khác theo quy định của pháp luật (nếu có);
 - d. Phần tài sản còn lại của Quỹ được dùng để thanh toán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư trong Quỹ.
2. Nếu như tài sản Quỹ đầu tư VF1 không đủ hoàn trả cho toàn bộ số vốn đã góp, khi phân phối, mỗi Nhà đầu tư sẽ chịu thiệt theo tỷ lệ đầu tư của mình tại Quỹ.

Điều 50: Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Chương XIII: PHÍ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 51 Phí phát hành chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư chỉ phải trả một lần phí phát hành chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 khi phát hành. Phí phát hành chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 tối đa là 3%/mệnh giá của đơn vị Quỹ.

Điều 52: Thu nhập của quỹ

Thu nhập của quỹ bao gồm các khoản sau:

1. Cổ tức.
2. Lãi trái phiếu.
3. Lãi tiền gửi.
4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của quỹ.
5. Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản của Quỹ.

Điều 53: Phí quản lý

Phí quản lý quỹ là 2%/giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1/năm và được thanh toán hàng tháng, phí này được trả cho Công ty quản lý Quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý đầu tư cho Quỹ đầu tư VF1.

Phí quản lý này có thể thay đổi và không vượt quá mức tối đa là 2%/giá trị tài sản ròng/năm.

Công thức tính phí quản lý được xác định như sau:

Tỷ lệ 2% phí quản lý (năm)/12 tháng x NAV ngày cuối tháng

Điều 54: Phí lưu ký và giám sát

1. Phí giám sát:
 - Trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày ký hợp đồng giám sát là 0,12% của tổng giá trị tài sản ròng/năm. Cách tính phí giám sát hàng tháng tương ứng với cách tính phí quản lý.
 - Từ năm thứ 04 hai bên sẽ thống nhất mức phí giám sát áp dụng cho năm tiếp theo trước ngày 31/12 hàng năm.

- Phí giám sát được trả hàng tháng, phí này được trả cho ngân hàng giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát.
- Công thức tính phí giám sát được xác định như sau:
Tỷ lệ % phí giám sát (năm) /12 tháng x NAV ngày cuối tháng

2. Phí lưu ký:

- Miễn phí lưu ký cổ phiếu, trái phiếu trong năm đầu tiên;
- Phí lưu ký sẽ tương ứng với mức phí theo quy định của UBCKNN hoặc TTGDCK;
- Các Tài Sản khác sẽ thu theo chi phí thực tế phát sinh do bên thứ ba (nếu có) thu của Ngân Hàng Giám Sát cho các Tài Sản của VF1 lưu ký tại Ngân Hàng Giám Sát.

Phí liên quan đến dịch vụ Ngân hàng giám sát được quy định tại Hợp đồng giám sát.

Điều 55: Chi phí khác

Các chi phí khác của Quỹ gồm:

1. Phí môi giới hợp lý, hợp lệ liên quan đến các giao dịch tài sản Quỹ;
2. Thuế, phí và lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
3. Tiền vay phải trả đối với các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
4. Các chi phí liên quan đến việc kiểm toán Quỹ;
5. Các chi phí liên quan đến việc tư vấn luật cho Quỹ;
6. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
7. Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của Nhà đầu tư;
8. Chi phí liên quan đến việc tổ chức, triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư và Ban đại diện không theo yêu cầu hoặc không vì quyền lợi của Công ty quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;
9. Các chi phí liên quan đến việc in ấn, bố cáo, thông tin các hoạt động liên quan đến Quỹ, phát hành bản cáo bạch nếu phát hành thêm chứng chỉ Quỹ;
10. Thù lao cho Ban đại diện Quỹ;
11. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định;

Tổng cộng các khoản phí được nêu trong Điều này không vượt quá 1%/ giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm.

Điều 56: Thưởng hoạt động

Quỹ đầu tư VF1 sẽ trả thưởng hoạt động cho Công ty quản lý Quỹ VFM khi tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1 đạt một tỷ lệ nhất định.

Công thức tính thưởng hoạt động được đề cập tại phần II Phụ lục IV

Thưởng hoạt động sẽ được tạm tính và ghi nhận vào báo cáo giá trị tài sản ròng vào cuối mỗi tháng căn cứ vào công thức tính thưởng hoạt động đề cập tại phần II Phụ lục IV.

Chương XIV: GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 57: Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ đầu tư VF1 và các Quỹ đầu tư khác

1. Nếu Công ty quản lý Quỹ VFM đồng thời quản lý Quỹ đầu tư VF1 và các Quỹ đầu tư khác (nếu có) thì Công ty quản lý Quỹ VFM phải:
 - a. Độc lập về tổ chức và nhân sự hoạt động quản lý các Quỹ,
 - b. Tách biệt về chiến lược và tiêu chí đầu tư,
 - c. Không sử dụng và tài sản của Quỹ đầu tư VF1 để đầu tư vào một Quỹ khác và ngược lại.
2. Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị công ty quản lý quỹ, người điều hành quỹ hoặc người có liên quan không được phép mua tài sản của quỹ cho công ty hoặc cho chính mình hoặc bán tài sản của mình cho quỹ.
3. Các giao dịch tài sản của Quỹ VF1 do Công ty quản lý Quỹ hoặc người có liên quan tới công ty quản lý quỹ tham gia dưới mọi hình thức, trừ các trường hợp tại điểm 2 Điều này, phải tuân thủ các quy định sau:
 - a. Tài sản giao dịch không được là bất động sản.
 - b. Giao dịch phải được Ngân hàng giám sát và toàn bộ thành viên độc lập của Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
 - c. Trường hợp các bên có quan hệ hợp tác, cùng lợi ích với Quỹ trong giao dịch tài sản quỹ, việc phân bổ tài sản, quyền lợi phải được thực hiện công bằng. Các bên không được sử dụng tài sản Quỹ để thu lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính mình ngoài lợi ích trực tiếp từ phần tham gia của mình trong giao dịch, hoặc thực hiện mục tiêu khác mục tiêu giao dịch, đầu tư của Quỹ.
 - d. Công ty quản lý quỹ và người có liên quan đó không được tham gia bỏ phiếu quyết định giao dịch liên quan.

Chương XV: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58: Công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 sẽ được thực hiện theo quy định của UBCKNN và Trung tâm Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.
2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban đại diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ nếu được chuyển trực tiếp cho người ấy bằng báo miệng hoặc bằng văn bản gửi đến địa chỉ do thành viên Ban đại diện Quỹ thông báo cho Quỹ đầu tư.
3. Mọi thông báo hoặc tài liệu khác phải được phát hành và chuyển cho nhà đầu tư sẽ do Công ty quản lý Quỹ gửi trực tiếp đến cá nhân hoặc gửi qua bưu điện có dán tem đến địa chỉ do nhà đầu tư đăng ký. Nhà đầu tư phải thông báo bằng văn bản chính thức cho Công ty quản lý Quỹ biết khi thay đổi địa chỉ chính thức của mình.
4. Mọi thông báo gửi qua bưu điện được xem là gửi đến địa chỉ đăng ký của nhà đầu tư một tuần lễ sau ngày gửi. Khi chứng minh điều này chỉ cần có đủ bằng chứng rằng bản thông báo đã có dán tem và gửi đi đúng theo địa chỉ đăng ký.
5. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ đầu tư VF1 hoặc người điều hành của Quỹ đầu tư VF1 có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đầu tư VF1 đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ đầu tư VF1 hay người điều hành Quỹ nhận.
6. Các thông báo mà luật pháp bắt buộc phải đăng bố cáo 03 (ba) lần liên tiếp ít nhất trên một báo Trung ương.

Điều 59: Điều khoản thi hành

Quỹ đầu tư VF1 được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp giấy đăng ký lập Quỹ và niêm yết chứng chỉ Quỹ. Công ty quản lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 60: Thay đổi điều lệ

Điều lệ Quỹ đầu tư VF1 chỉ được bổ sung và sửa đổi khi có sự phê duyệt của Đại hội nhà đầu tư.

Điều 61: Đăng ký điều lệ

1. Bản Điều Lệ này bao gồm 15 chương, 56 điều và 4 Phụ lục được Đại hội nhà đầu tư Quỹ đầu tư VF1 thông qua và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam phê duyệt và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 04 năm 2004.

Điều lệ Quỹ đầu tư VF1 được bổ sung và sửa đổi lần thứ nhất bao gồm 15 chương, 56 Điều và 04 phụ lục theo ý kiến biểu quyết bằng văn bản của Đại hội Nhà đầu tư có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 7 năm 2004.

Điều lệ Quỹ đầu tư VF1 được bổ sung và sửa đổi lần thứ hai bao gồm 15 chương, 57 Điều và 04 phụ lục theo yêu Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 số 01/VF1-2005/NQĐH ngày 08/04/ 2005 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 04 năm 2005.

Điều lệ Quỹ đầu tư VF1 được bổ sung và sửa đổi lần thứ ba bao gồm 15 chương, 60 Điều và 04 phụ lục theo Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 số 02/VF1-2007/NQĐH ngày 09/3/2007 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 03 năm 2007.

Điều lệ Quỹ đầu tư VF1 được bổ sung và sửa đổi lần thứ tư bao gồm 15 chương, 60 Điều và 04 phụ lục theo Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 số 02/VF1-2009/NQĐH ngày 17/3/2009 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 3 năm 2009.

Điều lệ Quỹ đầu tư VF1 được bổ sung và sửa đổi lần thứ năm bao gồm 15 chương, 61 Điều và 04 phụ lục theo Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 số 02/VF1-2010/NQĐH ngày 25/3/2010 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 3 năm 2010.

Điều lệ Quỹ đầu tư VF1 được bổ sung và sửa đổi lần thứ sáu bao gồm 15 chương, 61 Điều và 04 phụ lục theo Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 số 02/VF1-2011/NQĐH ngày 22/3/2011 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 3 năm 2011.

Điều lệ Quỹ đầu tư VF1 được bổ sung và sửa đổi lần thứ bảy bao gồm 15 chương, 61 Điều và 04 phụ lục theo Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 số 02/VF1-2012/NQĐH ngày 20/3/2012 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2012.

Điều lệ Quỹ đầu tư VF1 được bổ sung và sửa đổi lần thứ tám bao gồm 15 chương, 61 Điều và 04 phụ lục theo Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 số 04/VF1-2013/NQĐH ngày 21/3/2013 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2013.

Các bản trích hay sao y của bản điều lệ này do văn phòng Quỹ đầu tư VF1 cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ VF1 hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ thì mới có giá trị.

2. Điều lệ này được lập thành 05 bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt Nam:
 - 01 bản đăng ký tại các cơ quan Nhà nước theo luật định.
 - 02 bản lưu tại văn phòng của Quỹ đầu tư.
 - 01 bản lưu tại văn phòng của Công ty quản lý Quỹ đầu tư.
 - 01 bản lưu tại văn phòng của ngân hàng giám sát.

Thực hiện tại TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2013

**THAY MẶT ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ
CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**



LƯU ĐỨC KHÁNH

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam, cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ đầu tư VF1:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ;
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm;
4. Trả cho ngân hàng giám sát các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
5. Định kỳ cung cấp cho ngân hàng giám sát các thông tin sau:
 - a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ;
 - b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ.
 - c. Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ.
 - d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu;
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến Công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư;
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời;
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu;
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty quản lý quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu;
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện Công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.

14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật;

CTY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM



TRẦN THANH TÂN
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát Vietcombank cam kết các điều sau đây đối với Quỹ đầu tư VF1:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát;
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm ;
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với Quỹ ;
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với Công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của ngân hàng giám sát, tài sản của Công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng giám sát
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư;
8. Thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc được phân phối của Quỹ;
9. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.



Hà Thị Thuý Vinh

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư;
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ;
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của nhà đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn;
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản Cáo bạch.

CTY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Tổng Giám đốc



TRẦN THANH TÂN

NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM



Hà Thị Thủy Vinh

PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN QUỸ VÀ THƯỜNG HOẠT ĐỘNG**I. QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ VF1****1. Nguyên tắc chung:****1.1. Công ty quản lý quỹ**

Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo:

- a) Giá trị tài sản được định giá một cách chính xác, phù hợp với các quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;
- b) Việc định giá phải phản ánh chính xác, kịp thời và đầy đủ trên cơ sở các giao dịch gần nhất đã thực hiện thành công;
- c) Các khoản mục tài sản cần định giá, bao gồm chứng khoán, tiền và các khoản đầu tư khác, phải thường xuyên được đối chiếu với chứng từ gốc. Các chỉ tiêu chưa thống nhất phải được xử lý kịp thời.
- d) Giá chứng khoán chưa niêm yết phải được thường xuyên cập nhật, theo nguyên tắc thận trọng, phù hợp với mức độ thanh khoản của thị trường (có tính tới mức giá của các giao dịch gần nhất đã thực hiện thành công với khối lượng giao dịch tương đương);
- đ) Cổ tức, quyền mua cổ phiếu, cổ phiếu thường, trái tức và các lợi ích vật chất khác thuộc về quyền sở hữu phải được hạch toán vào tài sản của quỹ (trừ trường hợp phải hạch toán theo nguyên tắc thận trọng);
- e) Những khoản chi phí, lãi tiền gửi, trái tức và cổ tức phải được hạch toán lũy kế đến thời điểm định giá theo một tỷ lệ lãi suất phù hợp;
- g) Các khoản mục thuế, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định của pháp luật;
- h) Trường hợp mức độ thanh khoản của thị trường bị hạn chế, cần xác lập các mức dao động giá hợp lý, tùy thuộc vào biến động của thị trường khi định giá;
- i) Thường xuyên rà soát, kiểm tra quy trình định giá. Kết quả kiểm tra phải được lưu giữ;
- k) Việc đối chiếu các chứng từ về tài sản của quỹ với ngân hàng giám sát cần được thực hiện định kỳ tối thiểu mỗi tháng một lần.

1.2. Ngân hàng giám sát

- a) Ngân hàng giám sát phải thường xuyên kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng công ty quản lý quỹ có nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định và hệ thống giám sát việc xác định giá chứng khoán hoặc giá trị tài sản ròng của quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ. Việc kiểm tra, giám sát thường xuyên phải được duy trì đối với bên thứ ba được công ty quản lý quỹ uỷ quyền thực hiện các hoạt động này;
- b) Việc rà soát các nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá phải được thực hiện ngay sau khi hợp đồng giám sát ký với công ty quản lý quỹ có hiệu lực;
- c) Việc rà soát phải được thực hiện thường xuyên hơn khi ngân hàng giám sát biết hoặc có cơ sở cho rằng nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá của công ty quản lý quỹ không đáp ứng yêu cầu;
- d) Ngân hàng giám sát phải đảm bảo rằng mọi vấn đề phát hiện từ những lần kiểm tra, giám sát đều được theo dõi và có biện pháp giải quyết thích hợp.

1.3. Trường hợp tài sản được định giá hoặc đánh giá không chính xác

- a) Công ty quản lý quỹ phải thông báo cho ngân hàng giám sát mỗi khi phát hiện các trường hợp định giá không chính xác;
- b) Ngân hàng giám sát phải nộp báo cáo tháng, quý, năm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổng kết về các trường hợp định giá không chính xác trong kỳ.

1.4. Ngày định giá:

Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định mỗi tuần. Ngày định giá là ngày thứ Sáu hàng tuần đối với kỳ định giá hàng tuần và là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo đối với kỳ định giá hàng tháng. Trường hợp công ty quản lý quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ thì công ty quản lý quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban đại diện quỹ trước khi thực hiện. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngày sau đó.

1.5. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ bằng tổng giá trị các tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ.

Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Phương thức xác định giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được ngân hàng giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

Chi tiết phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo mục 2. Phương pháp định giá dưới đây. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (NAV/ccq) bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành.

2. Phương pháp định giá các tài sản và các khoản đầu tư như sau:

2.1. Giá trị tài sản tài chính

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền trong tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu (có thời gian đáo hạn còn lại dưới ba tháng) và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá
Trái phiếu		
5.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

6.	Trái phiếu không niêm yết	<p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cưỡng phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
7	Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi	<ul style="list-style-type: none"> - Giá bình quân của 3 công ty chứng khoán được chấp nhận - Hoặc trong trường hợp không có giao dịch, giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá); - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá); hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận;
9	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá); - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá); hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận;
10	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> - Giá cuối ngày của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá cuối ngày này là giá đóng cửa; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:

		<ul style="list-style-type: none"> + Giá cuối ngày của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận;
11	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá yết (nếu có) trên hệ thống báo giá của cơ quan chức năng theo quy định + Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. + Trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá của cơ quan chức năng theo quy định hoặc không đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> - Giá trung bình từ 02 tổ chức báo giá; hoặc - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
12	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá yết (nếu có) trên hệ thống báo giá của cơ quan chức năng theo quy định; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
13	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
14	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc

		+ Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
15	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá
16	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
17	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo.
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương

2.2. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại chứng khoán	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng

	ngân hàng giám sát và được ban đại diện quỹ chấp thuận
--	--

Ghi chú:

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được ban đại diện quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

II. QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH THƯỜNG HOẠT ĐỘNG QUỸ ĐẦU TƯ VF1

Công ty quản lý quỹ có thể nhận được từ Quỹ, ngoài phí quản lý, một khoản thường khác gọi là thường hoạt động. Thường hoạt động được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Mức thường được tính trên cơ sở phần lợi nhuận vượt trội so với lợi nhuận của thị trường đã được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ. Thường hoạt động được trích từ thu nhập thực tế của Quỹ (nếu có) trong năm tính thường và được thanh toán cho Công ty quản lý Quỹ hàng năm.
- Phần lợi nhuận của Quỹ để tính mức phí thường bao gồm phần tăng trưởng của NAV vào cuối năm so với NAV đầu năm và các khoản cổ tức đã trả trong năm. Tăng trưởng của NAV trong năm sẽ được điều chỉnh trong trường hợp Quỹ tăng vốn.
- Mức thường hoạt động sẽ được điều chỉnh giảm trừ và sẽ không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư các năm liền trước bị thua lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp. Mức điều chỉnh này sẽ được Ban đại diện quỹ chấp thuận trong từng trường hợp cụ thể của thị trường.
- Phí thường chỉ được thanh toán sau khi đã thanh toán các khoản phải trả khác. Phí thường được xác định dựa trên báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

Thường hoạt động chỉ được trả cho Công ty quản lý quỹ nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý cao hơn chỉ số căn bản (h) (sẽ được diễn giải dưới đây). Khoản thường hoạt động mà công ty quản lý quỹ sẽ nhận được bằng 20% của Li (sẽ diễn giải dưới đây) trong năm tài chính.

Tiền thường = 20% x Li

$$Li = V_i - \{V_{i-1} \times (100\% + h + 1\%) + N_i \times [100\% + (h + 1\%) \times d / 365]\}$$

Trong đó:

Li: khoản liên quan theo đó khoản thường hoạt động hàng năm được tính

V_i : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm i cộng với các khoản cổ tức quỹ chia trong năm.

V_{i-1} : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm (i-1)

N_i : số tiền thu được từ đợt phát hành trong năm i

d: số ngày tính từ thời điểm số vốn huy động mới được phép giải ngân để ngày 31 tháng 12 của năm i

h: là chỉ số căn bản, được tính như sau:

$$h = W_{ho} \times R_{ho} + W_{ha} \times R_{ha} + W_o \times R_{gb}$$

Trong đó:

- W_{ho} là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh trong danh mục Quỹ đầu tư VF1
- R_{ho} là % tăng trưởng của VNIndex
- W_{ha} là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội trong danh mục Quỹ đầu tư VF1
- R_{ha} là % tăng trưởng của HNXIndex
- W_o là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị cổ phiếu chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch bao gồm cả trái phiếu, tiền gửi, tiền mặt...

- R_{gb} là lãi suất trái phiếu chính phủ 10 năm đầu thầu thành công gần nhất..

Ghi chú: Các chỉ số W_{ho} , W_{ha} , và W_o là những tỷ trọng cơ cấu danh được tính trong báo cáo hàng tháng để tính bình quân cả năm.

Ví dụ về cách tính tỷ trọng bình quân giá trị các nhóm tài sản:

Diễn biến tháng	Tỷ trọng			NAV thực tế (tỷ đồng)			
	CP niêm yết HOSE (W_{ho})	CP niêm yết HNX (W_{ha})	Tài sản khác (W_o)	Tổng	Giá trị CP niêm yết HOSE	Giá trị CP niêm yết HNX	Giá trị tài sản khác
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
T1				3,000	1,200	900	900
T2				3,039	1,276	912	851
T3				3,079	1,355	893	831
T4				3,119	1,435	873	811
T5				3,160	1,517	853	790
T6				3,201	1,601	832	768
T7				3,243	1,686	811	746
T8				3,285	1,774	788	723
T9				3,328	1,864	765	699
T10	Phát hành 1000 tỷ			4,371	2,535	962	874
T11				4,428	2,657	930	841
T12				4,485	2,781	897	807
Cả năm (a)	51.95%	24.96%	23.10%	41,738	21,681	10,416	9,641

Ghi chú:

(4), (5), (6), và (7): giá trị NAV, giá trị cp niêm yết HOSE, giá trị cp niêm yết HNX, và giá trị tài sản khác trung bình trong tháng, được tính bằng (giá trị đầu tháng + giá trị cuối tháng)/2

Tại dòng (a):

- W_{ho} (1) = (5)/(4) = 21.681/41.738 = 51,95%
- W_{ha} (2) = (6)/(4) = 10.416/41.738 = 24,96%
- W_o (3) = (7)/(4) = 9.641/41.738 = 23,10%

Ví dụ tính chỉ số căn bản và thưởng:

Chỉ số	Ghi chú	Giá trị
NAV đầu năm (tỷ)	(a)	3.000
NAV cuối năm (tỷ)	(b)	4.484
Tiền phát hành mới trong năm (tỷ)	(c)	1.000
Số ngày thực tế sử dụng số tiền mới	(d)	100
Tăng trưởng Vnindex	(e)	15%
Tăng trưởng HNX index	(f)	14%
Lãi suất TP CP 10 năm	(g)	9%
Chỉ số vượt trội	(h)	1,0%
Chỉ số căn bản	(i) = $W_{ho} \times (e) + W_{ha} \times (f) + W_o \times (g) =$	14,4%
Li (tỷ)	(k) = $(b) - (a) \times [1 + (i) + (h)] - (c) \times [1 + \{(i) + (h)\} \times (d) / 365]$	14,66
Thưởng (tỷ)	(n) = 20% x (k)	2,93
Thưởng/NAV (%)		0,07%